

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 32/2011/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 19 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Lào Cai

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma tuý ngày 09/12/2000 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05/4/2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma tuý, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý về quản lý sau cai nghiện ma tuý;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình, cai nghiện ma tuý tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2004/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 31/12/2004 của Bộ Lao động - TBXH và Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 56/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 05/7/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - TBXH hướng dẫn chế độ trợ cấp đối với người không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 31/2005/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 25/10/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05/4/2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma tuý, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 29/12/2006 của Bộ Lao động - TBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma tuý, người bán dâm và người sau cai nghiện ma tuý;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 117/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 01/10/2007 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma tuý, người bán dâm;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BLĐTBXH ngày 05/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh, Xã hội ban hành Quy chế quản lý, tư vấn, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Quản lý sau cai nghiện và Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện;

Căn cứ Thông tư số 33/2010/TT-BLĐTBXH ngày 01/11/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma tuý về quản lý sau cai nghiện ma tuý;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế về hướng dẫn quy trình cai nghiện ma tuý tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma tuý tự nguyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành và thay thế các Quyết định sau đây:

- Quyết định số 295/2000/QĐ-UB ngày 18/10/2000 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế cai nghiện chất ma tuý qua ba giai đoạn trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Quyết định số 248/2002/QĐ-UB ngày 20/6/2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành mô hình quản lý, giáo dục, tư vấn cho người cai nghiện chất ma tuý tái hoà nhập cộng đồng;

Quyết định số 474/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế cai nghiện chất ma tuý theo hình thức tự nguyện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 3. Sở Lao động - Thương binh & Xã hội chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý
trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2011/QĐ-UBND ngày 19/10/2011
của UBND tỉnh Lào Cai)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định một số nội dung trong công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các nội dung khác có liên quan đến công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;
- b) Cơ sở cai nghiện ma tuý, cơ sở quản lý sau cai nghiện được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác cai nghiện ma tuý tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;
- d) Người nghiện ma tuý, người sau cai nghiện ma tuý; gia đình người nghiện ma tuý và gia đình người sau cai nghiện ma tuý.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- 1. *Người nghiện ma tuý* (sau đây gọi tắt là người nghiện) là người sử dụng trái phép các chất ma tuý dẫn đến bị lệ thuộc vào các chất này.
- 2. *Người sau cai nghiện ma tuý* (sau đây gọi tắt là người sau cai nghiện) là người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. *Tái nghiện* là tình trạng người nghiện ma tuý sau khi đã thực hiện xong quy trình cai nghiện ma tuý theo quy định nhưng vẫn tiếp tục sử dụng chất ma tuý.

4. *Cộng đồng* là một đơn vị dân cư được xác định theo địa giới hành chính xã, phường, thị trấn.

5. *Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma tuý* là đơn vị do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện đối với người đã hoàn thành thời gian cai nghiện bắt buộc nhưng có nguy cơ tái nghiện cao.

6. *Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội* (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh thành lập chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện công tác chữa trị, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện chất ma tuý, người mại dâm.

Trong thời gian chưa thành lập Trung tâm Quản lý sau cai nghiện, giao thêm nhiệm vụ quản lý sau cai nghiện cho Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 3. Các hình thức, biện pháp cai nghiện và quản lý sau cai nghiện

1. Các hình thức cai nghiện ma tuý:

- a) Cai nghiện ma tuý tại gia đình;
- b) Cai nghiện ma tuý tại cộng đồng;
- c) Cai nghiện ma tuý tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

2. Các biện pháp cai nghiện ma tuý:

- a) Biện pháp cai nghiện tự nguyện;
- b) Biện pháp cai nghiện bắt buộc.

3. Các hình thức quản lý sau cai nghiện ma tuý:

- a) Quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;
- b) Quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm Quản lý sau cai nghiện ma tuý.

Điều 4. Các nguyên tắc về cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý

1. Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai thống nhất quản lý nhà nước toàn bộ các hoạt động cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý; tổ chức và hỗ trợ đối với công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý; khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Người nghiện ma tuý hoặc gia đình của họ có nghĩa vụ phải khai báo tình trạng nghiện và đăng ký hình thức cai nghiện phù hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Khuyến khích người nghiện đăng ký cai nghiện theo hình thức tự nguyện.

3. Các cơ sở cai nghiện ma tuý phải thực hiện đúng quy trình cai nghiện, phác đồ điều trị và bài thuốc hỗ trợ cắt cơn giải độc cho người nghiện ma tuý do Bộ Y tế quy định.

4. Việc điều trị cắt cơn, giải độc cho người cai nghiện ma tuý phải do các y sỹ, bác sỹ được đào tạo, tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma tuý điều trị.

5. Nghiêm cấm các hành vi sau:

a) Không tự giác khai báo tình trạng nghiện, không đăng ký hình thức cai nghiện khi đã nghiện; che giấu, chống lại hoặc cản trở việc thực hiện các quy định về cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý;

b) Xâm phạm đến thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản hợp pháp của người nghiện ma tuý và người sau cai nghiện ma tuý;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện các hoạt động cai nghiện, quản lý sau cai nghiện trái pháp luật.

Điều 5. Xác định người nghiện và công bố danh sách người nghiện ma tuý

1. Người được xác định là nghiện ma tuý khi thuộc một trong ba trường hợp sau:

a) Bản thân người nghiện hoặc đại diện gia đình của người đó tự giác khai báo tình trạng nghiện của mình hoặc của người thân trong gia đình;

b) Người bị bắt quả tang khi đang sử dụng trái phép các chất ma tuý và thừa nhận là đã nghiện ma tuý;

c) Người bị cơ quan Y tế có thẩm quyền xác định là nghiện chất ma tuý thông qua các hoạt động chuyên môn do Bộ Y tế quy định.

2. Căn cứ các tài liệu thu thập được theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền công bố danh sách người nghiện ma tuý trên địa bàn quản lý.

Điều 6. Tổ công tác cai nghiện ma tuý

1. Tổ công tác cai nghiện ma tuý (sau đây gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, giải thể.

Tổ công tác có từ 9 (chín) đến 15 (mười lăm) thành viên do Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã là Tổ trưởng. Các thành viên gồm: Cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh xã hội, Công an, Y tế; đại diện thôn, bản, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, người có chuyên môn, kinh nghiệm về cai nghiện ma tuý tự nguyện tham gia.

2. Tổ công tác có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức các hoạt động cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú, cụ thể là:

a) Lập danh sách theo dõi, quản lý người nghiện, người sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn; thực hiện việc tiếp nhận khai báo và đăng ký cai nghiện; xây dựng kế hoạch

cai nghiện; tổ chức thực hiện các hoạt động cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;

b) Phối hợp với thôn, bản, tổ dân phố nơi người nghiện cư trú xem xét, đánh giá tình trạng nghiện, hoàn cảnh gia đình, nhân thân của từng người nghiện để xây dựng kế hoạch cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng cho phù hợp;

c) Hướng dẫn người nghiện, người sau cai nghiện và gia đình hoặc người giám hộ người đó xây dựng và thực hiện kế hoạch cai nghiện, quản lý sau cai nghiện; phối hợp theo dõi, quản lý, chăm sóc, tư vấn giúp đỡ người nghiện, người sau cai nghiện thay đổi hành vi, nhân cách, nâng cao năng lực tái hòa nhập cộng đồng;

d) Tổ trưởng Tổ công tác căn cứ vào tình hình thực tế để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động của Tổ trước Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã.

3. Thành viên Tổ công tác được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí khi tham gia công tác quản lý, chữa trị, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện ma tuý.

Điều 7. Kinh phí đảm bảo cho công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý gồm:

a) Kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hàng năm trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kinh phí đóng góp của cá nhân hoặc gia đình người nghiện, người sau cai nghiện ma tuý;

c) Kinh phí thu được từ kết quả lao động sản xuất tại các cơ sở cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý;

d) Kinh phí tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý thực hiện theo các quy định tài chính hiện hành.

Chương II

CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH VÀ CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI CỘNG ĐỒNG

Mục 1

CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI GIA ĐÌNH

Điều 8. Đối tượng, thời hạn cai nghiện ma tuý tại gia đình

1. Đối tượng cai nghiện tại gia đình là người nghiện ma tuý từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên, đang cư trú tại cộng đồng tự giác khai báo và tự nguyện đăng ký cai

nghiện tại gia đình; có đủ điều kiện cai nghiện tại gia đình và được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện tại gia đình.

2. Thời hạn cai nghiện ma tuý tại gia đình từ 6 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tùy theo tình trạng nghiện và điều kiện, hoàn cảnh gia đình của người đó, tính từ ngày ký quyết định cai nghiện tại gia đình.

Điều 9. Đăng ký cai nghiện và hồ sơ người cai nghiện tại gia đình

1. Người nghiện hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện chưa thành niên có trách nhiệm đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình với Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Tổ công tác giúp Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

- a) Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại gia đình của bản thân hoặc gia đình, người giám hộ của người nghiện chưa thành niên. Nội dung đơn phải nêu rõ: Tình trạng nghiện ma tuý, các hình thức cai nghiện ma tuý đã tham gia, tình trạng sức khoẻ, tâm tư nguyện vọng và cam kết tự nguyện cai nghiện tại gia đình;
- b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma tuý;
- c) Kế hoạch cai nghiện cá nhân của người nghiện.

Điều 10. Quyết định áp dụng hình thức cai nghiện tại gia đình

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ về đăng ký cai nghiện tự nguyện tại gia đình, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng hình thức cai nghiện ma tuý tại gia đình. Quyết định áp dụng hình thức cai nghiện ma tuý tại gia đình phải ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ tên, chức vụ của người quyết định; họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của đối tượng; điều khoản của văn bản pháp luật được áp dụng, thời hạn áp dụng, hiệu lực thi hành; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định phải gửi cho cá nhân, gia đình người nghiện, Tổ trưởng Tổ công tác, Trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi người nghiện cư trú.

Điều 11. Tổ chức cai nghiện ma tuý tại gia đình

1. Khám sức khoẻ và xây dựng kế hoạch điều trị

Cơ sở y tế cấp xã, cán bộ y tế có nghiệp vụ chuyên môn về điều trị cắt cơn nghiện ma tuý có trách nhiệm khám sức khoẻ ban đầu, làm các xét nghiệm cần thiết lập bệnh án theo mẫu quy định của Bộ Y tế và xây dựng kế hoạch điều trị cai nghiện phù hợp với từng người; hướng dẫn người cai nghiện thực hiện kế hoạch điều trị cai nghiện.

2. Điều trị cắt cơn, giải độc

Trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma tuý, người nghiện có sự giúp đỡ của gia đình phải tự giác đến Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma tuý hoặc cơ sở y tế cấp xã để điều trị cắt cơn, giải độc theo đúng kế hoạch.

3. Quản lý, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách

Trong thời gian cai nghiện tại gia đình, Tổ công tác có trách nhiệm phân công cá nhân, tổ chức phối hợp với gia đình thực hiện việc quản lý, tư vấn, giúp đỡ người nghiện phục hồi sức khoẻ, tâm lý; sửa đổi hành vi, nhân cách; từng bước từ bỏ ma tuý, phòng chống tái nghiện và có định hướng đúng trong tương lai.

Điều 12. Đánh giá kết quả cai nghiện tại gia đình

1. Trong thời gian cai nghiện tại gia đình, Tổ công tác tổ chức xét nghiệm chất ma tuý định kỳ hoặc đột xuất; phối hợp với gia đình hoặc người giám hộ của người nghiện, trưởng thôn, bản, tổ dân phố nơi người đó cư trú để nhận xét, đánh giá kết quả cai nghiện ma tuý của người nghiện.

2. Căn cứ kết quả xét nghiệm, ý kiến nhận xét và đánh giá của Tổ công tác, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã cấp "Giấy chứng nhận đã hoàn thành thời gian cai nghiện ma tuý tại gia đình" cho người cai nghiện.

3. Trường hợp phát hiện tái nghiện, Tổ công tác cập nhật vào sổ theo dõi người nghiện để quản lý và có kế hoạch tiếp tục cai nghiện.

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với cai nghiện tại gia đình

1. Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật. Người không thuộc diện được hỗ trợ phải đóng góp tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện theo quy định.

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho thành viên Tổ công tác, người trực tiếp tham gia công tác cai nghiện tại gia đình.

3. Kinh phí thực hiện hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp xã. Mức hỗ trợ, đóng góp và thủ tục hỗ trợ kinh phí cai nghiện tại gia đình thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Mục 2

CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 14. Cơ sở điều trị cai nghiện tại cộng đồng

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng cơ sở vật chất hiện có tại địa phương để tổ chức điều trị cai nghiện cho người nghiện tại cộng đồng. Trường hợp

không có cơ sở vật chất để thành lập Cơ sở điều trị cai nghiện cộng đồng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ kinh phí xây dựng Cơ sở cai nghiện cộng đồng phù hợp với nhu cầu khả năng của địa phương.

2. Đối với các xã, phường, thị trấn có ít người nghiện hoặc không đủ điều kiện thành lập Cơ sở cai nghiện cộng đồng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thành lập cơ sở cai nghiện cộng đồng theo cụm xã.

Điều 15. Đối tượng cai nghiện tại cộng đồng

1. Đối tượng cai nghiện tại cộng đồng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người nghiện ma tuý từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên đang cư trú tại cộng đồng, tự nguyện đăng ký cai nghiện tại cộng đồng hoặc tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình nhưng không có điều kiện cai nghiện tại gia đình (gọi chung là người cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng). Người cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính;

b) Người nghiện ma tuý từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên đang cư trú tại cộng đồng nhưng không tự giác khai báo, không tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình, cộng đồng thì bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

2. Không áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng đối với các trường hợp:

a) Người nghiện đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

b) Người nghiện thuộc diện bị đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Trường giáo dưỡng, Cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật;

c) Người nghiện đang bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện, chưa bị xác định là tái nghiện.

Điều 16. Thời hạn cai nghiện tại cộng đồng

1. Thời hạn cai nghiện ma tuý tại cộng đồng từ 6 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tùy theo tình trạng nghiện và điều kiện, hoàn cảnh của từng đối tượng. Thời gian cai nghiện cụ thể đổi với từng trường hợp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổ trưởng Tổ công tác. Trong đó thời gian cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện cộng đồng từ 3 (ba) tháng đến 6 (sáu) tháng; thời gian còn lại, người nghiện được quản lý, giám sát, giúp đỡ tại gia đình.

2. Thời hạn cai nghiện ma tuý tại cộng đồng tính từ ngày ký quyết định cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 17. Hồ sơ của người cai nghiện tại cộng đồng

Hồ sơ của người cai nghiện tại cộng đồng gồm:

1. Hồ sơ của người cai nghiện tự nguyện

a) Đơn đăng ký tự nguyện cai nghiện tại cộng đồng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 9 Quy chế này;

b) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện.

2. Hồ sơ của người cai nghiện bắt buộc

Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng gửi Tổ công tác. Hồ sơ gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch của người nghiện ma tuý có dán ảnh, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

b) Biên bản hoặc tài liệu xác nhận tình trạng nghiện ma tuý của người nghiện;

c) Văn bản của Trưởng Công an cấp xã đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Điều 18. Quyết định và thi hành quyết định cai nghiện tại cộng đồng

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng, Tổ công tác có trách nhiệm thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ, lập danh sách và làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng của Trưởng Công an cấp xã, Tổ công tác có trách nhiệm tổ chức phiên họp có đủ các thành phần: Cán bộ phụ trách công tác Lao động - Thương binh xã hội, Công an, Y tế, đại diện thôn, bản, tổ dân phố, Mặt trận Tổ quốc để thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

Cuộc họp xem xét và biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc đa số. Trường hợp biểu quyết với kết quả bằng nhau thì phải ghi vào biên bản cuộc họp trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định. Biên bản phải ghi cụ thể ý kiến các thành viên tham dự và được gửi cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã kèm theo văn bản đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

3. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng. Nội dung và nơi gửi quyết định thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Quy chế này, đồng thời gửi thêm cho Cơ sở cai nghiện ma tuý cộng đồng để có kế hoạch tiếp nhận.

4. Trong thời hạn 3 (ba) ngày kể từ khi quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma tuý tại cộng đồng có hiệu lực thi hành, người nghiện ma tuý với sự hỗ trợ của gia đình phải tự giác đến Cơ sở cai nghiện cộng đồng để chấp hành quyết định. Người phải chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc nếu không tự giác đến Cơ sở cai nghiện thì bị Công an cấp xã cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

1. Người đang ốm nặng, phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng cho đến khi con đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi tính theo giấy khai sinh hoặc khi sức khoẻ đã phục hồi theo giấy xuất viện của bệnh viện hoặc cơ sở chữa bệnh khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đang mắc bệnh hiểm nghèo, có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng.

3. Để được hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng, người nghiện phải làm đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định. Quyết định miễn, hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phải gửi cho bản thân, gia đình người nghiện, Tổ công tác và Cơ sở cai nghiện cộng đồng.

4. Khi hết thời hạn được hoãn chấp hành ghi trong quyết định, người cai nghiện có trách nhiệm tự giác đến cơ sở cai nghiện tiếp tục chấp hành quyết định. Trường hợp không tự giác thì bị Công an cấp xã cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức cai nghiện tại cộng đồng**1. Tổ quản lý Cơ sở cai nghiện cộng đồng:**

a) Tổ quản lý Cơ sở cai nghiện cộng đồng có từ 3 (ba) đến 5 (năm) cán bộ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Tổ công tác. Đối với Cơ sở cai nghiện cộng đồng cụm xã được bố trí từ 5 (năm) đến 7 (bảy) cán bộ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

b) Thành phần Tổ quản lý cơ sở cai nghiện cộng đồng gồm cán bộ công an, cán bộ văn hóa - xã hội, cán bộ Trạm y tế và các thành viên khác trong Tổ công tác.

2. Nhiệm vụ của Tổ quản lý Cơ sở cai nghiện cộng đồng:

a) Tiếp nhận, phân loại, khám sức khỏe ban đầu, lập bệnh án theo mẫu quy định của Bộ Y tế, xây dựng kế hoạch điều trị cai nghiện phù hợp với sức khoẻ và tình trạng nghiện cho từng người;

b) Bố trí nơi ăn, ngủ, điều trị, sinh hoạt cho học viên; đảm bảo đời sống tinh thần, vật chất cho học viên trong thời gian cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện;

c) Tổ chức điều trị cắt cơn, giải độc và điều trị các bệnh cơ hội phát sinh cho người cai nghiện;

d) Tổ chức cho người nghiện học tập nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện; tham gia các hoạt động văn thể, lao động trị liệu; giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách trong thời gian cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện;

e) Tiếp nhận, quản lý sử dụng có hiệu quả, đúng pháp luật đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị và kinh phí được cấp cho Cơ sở cai nghiện.

3. Bàn giao người nghiện sau khi hết thời hạn cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện:

a) Trước khi hết thời hạn cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện mười ngày, Tổ quản lý Cơ sở cai nghiện tiến hành kiểm tra sức khoẻ người nghiện, nhận xét, đánh giá và tổng kết bệnh án đồng thời báo cáo Tổ công tác về thời gian và số người được bàn giao trong kỳ;

b) Tổ công tác có trách nhiệm thông báo cho gia đình người nghiện và người được phân công theo dõi, giúp đỡ người đó để đến nhận bàn giao người và hồ sơ người nghiện tại Cơ sở cai nghiện;

c) Biên bản bàn giao người cai nghiện về gia đình được lập thành 3 (ba) bản, Tổ công tác giữ một bản, Cơ sở cai nghiện lưu một bản và giao cho gia đình người đó một bản.

4. Quản lý, giám sát tại gia đình:

a) Người nghiện sau khi hoàn thành giai đoạn điều trị tại Cơ sở cai nghiện cộng đồng được lập sổ theo dõi diễn biến hành vi, tâm lý và đưa trở về quản lý, giám sát tại gia đình;

b) Tổ công tác phân công tổ chức, cá nhân theo dõi, giúp đỡ người cai nghiện tiếp tục thực hiện kế hoạch cai nghiện tại cộng đồng; tổ chức, cá nhân được phân công phải phối hợp với gia đình, các đoàn thể nơi người đó cư trú để quản lý, giám sát và giúp đỡ người nghiện tiếp tục thực hiện kế hoạch cai nghiện.

Điều 21. Quyền lợi, nghĩa vụ của người cai nghiện tại cộng đồng

1. Quyền lợi:

a) Được điều trị cắt cơn giải độc ma tuý, được áp dụng các liệu pháp tâm lý trị liệu, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách, học nghề, tư vấn phòng tránh tái nghiện theo quy trình cai nghiện chất ma tuý;

b) Được hỗ trợ một phần kinh phí cai nghiện theo quy định;

c) Được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định cai nghiện tại cộng đồng.

2. Nghĩa vụ:

a) Tự giác đến cơ sở cai nghiện cộng đồng để chấp hành quyết định cai nghiện, trường hợp cố tình không tự giác thì sẽ bị cơ quan Công an cấp xã thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật;

b) Đóng góp kinh phí cai nghiện theo quy định;

c) Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện. Tuân thủ sự quản lý, điều hành của Tổ quản lý cơ sở cai nghiện.

Điều 22. Đánh giá, nhận xét kết quả cai nghiện tại cộng đồng

1. Trước khi kết thúc thời hạn cai nghiện tại cộng đồng, người cai nghiện phải làm bản tự kiểm điểm quá trình chấp hành quyết định cai nghiện, có ý kiến nhận xét của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ.

2. Căn cứ bản tự kiểm điểm, ý kiến nhận xét của Tổ quản lý Cơ sở cai nghiện và cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; Tổ trưởng Tổ công tác làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã cấp giấy "Chứng nhận đã chấp hành xong quyết định cai nghiện tại cộng đồng" theo mẫu quy định.

Điều 23. Chế độ, chính sách đối với công tác cai nghiện tại cộng đồng

1. Đối với người cai nghiện ma tuý:

a) Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện cho người cai nghiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 13 Quy chế này;

b) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện cộng đồng.

2. Đối với xã, phường, thị trấn:

a) Chi đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma tuý;

b) Chi lập hồ sơ, xét duyệt hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng;

c) Chi hoạt động thường xuyên của Cơ sở điều trị cắt cơn nghiện ma tuý;

d) Hỗ trợ thành viên Tổ công tác, Tổ quản lý cơ sở cai nghiện, người được phân công trực tiếp tham gia công tác cai nghiện tại cộng đồng.

3. Kinh phí thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách cấp xã. Mức hỗ trợ và thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Chương III
CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI TRUNG TÂM
Mục 1
CAI NGHIỆN THEO HÌNH THỨC BẮT BUỘC

Điều 24. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma tuý từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên thuộc các trường hợp sau đây mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý thì bị áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma tuý đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng hoặc Trung tâm;

b) Trong thời gian chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng không chấp hành nội quy, quy chế, có hành vi chống đối, gây rối hoặc bỏ trốn khỏi Cơ sở cai nghiện;

c) Không xác định được nơi cư trú nhất định (theo quy định tại Mục 3, Chương III Quy chế này).

2. Người chưa thành niên nghiện ma tuý từ đủ 12 (mười hai) tuổi đến dưới 18 (mười tám) tuổi thuộc các trường hợp sau đây mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý thì bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm nhưng không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính:

a) Đã được cai nghiện tại gia đình, cộng đồng;

b) Đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ hai lần trở lên;

c) Không xác định được nơi cư trú nhất định.

3. Các trường hợp không áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm gồm: Người nước ngoài, người nghiện ma tuý chưa đủ 18 tuổi, người trên 55 (năm mươi lăm) tuổi đối với nữ, trên 60 (sáu mươi) tuổi đối với nam. Căn cứ pháp lý để xác định độ tuổi là Giấy khai sinh, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu. Trường hợp không có các giấy tờ trên thì căn cứ vào các tài liệu khác.

Điều 25. Thời hạn cai nghiện

Thời hạn cai nghiện ma tuý bắt buộc tại Trung tâm từ 12 (mười hai) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, trong đó:

a) Áp dụng đối với người cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm lần đầu là 12 (mười hai) tháng;

b) Áp dụng đối với người cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm lần thứ hai là 18 (mười tám) tháng;

c) Áp dụng đối với người cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm từ lần thứ ba trở lên là 24 (hai mươi tư) tháng;

Thời gian cai nghiện bắt buộc cụ thể đối với từng trường hợp do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng tư vấn, thời gian chấp hành quyết định tính từ ngày người nghiện được tiếp nhận vào Trung tâm.

Điều 26. Thời hiệu áp dụng

1. Thời hiệu áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm là 6 (sáu) tháng kể từ khi thực hiện hành vi vi phạm lần cuối quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 và Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 24 Quy chế này. Nếu sau 3 (ba) tháng kể từ khi thực hiện lần cuối hành vi vi phạm mà người vi phạm không có hành vi sử dụng ma tuý thì không áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm.

2. Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm hết hiệu lực thi hành sau một năm (12 tháng) kể từ ngày ký, ban hành. Trong trường hợp người

phải thi hành quyết định cố tình trốn tránh thì thời hiệu trên được tính lại kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Điều 27. Hồ sơ, trình tự thủ tục quyết định và thi hành quyết định

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục quyết định và thi hành quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm thực hiện quy định từ Điều 9 đến Điều 19 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây gọi tắt là Nghị định 135/2004/NĐ-CP); Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2011/NĐ-CP) và hướng dẫn tại Phần I, Mục B Thông tư liên tịch số 22/2004/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 31/12/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 22/2004/TTLT-BLĐTBXH-BCA) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Khi tiếp nhận người nghiện, Trung tâm phải kiểm tra hồ sơ theo mẫu quy định, đối chiếu người vào Trung tâm đúng với quyết định và ảnh dán trong hồ sơ.

Điều 28. Giải quyết các trường hợp người đang chấp hành quyết định cai nghiện vi phạm pháp luật

Người đang chấp hành quyết định cai nghiện vi phạm pháp luật trước khi vào Trung tâm và trong thời gian ở Trung tâm được giải quyết theo quy định từ Điều 20 đến Điều 22 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP; Khoản 9, Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 29. Quy trình cai nghiện chất ma tuý

Trung tâm có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình cai nghiện cho người nghiện ma tuý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế về hướng dẫn quy trình cai nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma tuý tự nguyện.

Điều 30. Tổ chức dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma tuý

Trung tâm có trách nhiệm tổ chức dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma tuý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGD&ĐT-BYT ngày 29/12/2006 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người cai nghiện ma tuý, người bán dâm và người sau cai nghiện ma tuý.

Điều 31. Chế độ, chính sách đối với người bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

1. Chế độ quản lý, lao động, học tập, chữa trị, cai nghiện:

a) Chế độ quản lý, lao động, học tập, chữa trị, cai nghiện đối với người bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm thực hiện theo quy định từ Điều 30 đến Điều 35 Nghị định 135/2004/NĐ-CP; Khoản 11, Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên nghiện ma tuý vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm thực hiện theo quy định từ Điều 39 đến Điều 45 Nghị định 135/2004/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chế độ trợ cấp, đóng góp:

a) Người bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma tuý bắt buộc tại Trung tâm được trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh, thuốc hỗ trợ cai nghiện, hỗ trợ tiền học văn hoá, học nghề, tiền điện nước sinh hoạt, tiền mua sắm vật dụng cá nhân và một số khoản chi phí khác; được hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định. Đối với người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS, người không có nơi cư trú nhất định được hỗ trợ toàn bộ tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định.

b) Chế độ đóng góp:

Ngoài chế độ được trợ cấp, người bị áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm hoặc gia đình người đó phải đóng góp một phần tiền ăn theo quy định. Trường hợp không đóng góp, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú có trách nhiệm giáo dục, thuyết phục gia đình người đó phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp. Trường hợp đã giáo dục, thuyết phục nhiều lần nhưng gia đình người nghiện vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ đóng góp, Giám đốc Trung tâm lập danh sách kèm theo văn bản đề nghị Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm xem xét giải quyết.

4. Các khoản trợ cấp, đóng góp; mức trợ cấp, đóng góp và trình tự, thủ tục xét miễn giảm các khoản phải đóng góp thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 117/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 01/10/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma tuý, người bán dâm, quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 32. Tạm đình chỉ, giảm thời hạn, miễn chấp hành quyết định và hết thời hạn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm

Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thực hiện việc tạm đình chỉ, giảm thời hạn, miễn chấp hành quyết định và hết thời hạn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Khoản 14, Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26/7/2011 của Chính phủ và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 33. Quyền lợi, nghĩa vụ của người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc

Người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm có các quyền lợi, nghĩa vụ sau:

1. Quyền lợi

a) Được cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh;

b) Được cấp chứng chỉ, bằng cấp học văn hoá, học nghề theo trình độ đạt được (nếu đủ điều kiện);

c) Được nhận lại tiền tiết kiệm của mình (nếu có);

c) Trường hợp khó khăn có thể được trợ cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe về nơi cư trú.

2. Nghĩa vụ

a) Phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động và bảo hộ lao động đã được cho mượn, trường hợp làm hỏng hoặc mất không có lý do chính đáng phải bồi thường;

b) Thanh toán đầy đủ các khoản vay, mượn của cá nhân, tổ chức trong thời gian ở Trung tâm.

Điều 34. Kinh phí đảm bảo cho việc lập hồ sơ, đưa đối tượng vào Trung tâm

1. Kinh phí lập hồ sơ đề nghị đưa vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

2. Kinh phí xét duyệt hồ sơ, chuẩn bị và tổ chức phiên họp, bồi dưỡng thành viên tham gia phiên họp của Hội đồng tư vấn; đưa đối tượng từ nơi cư trú vào Trung tâm, truy tìm đối tượng bỏ trốn trước khi vào Trung tâm được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện.

3. Cơ chế tài chính của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục 2

CAI NGHIỆN THEO HÌNH THỨC TỰ NGUYỆN

Điều 35. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm được tiếp nhận người xin cai nghiện theo hình thức tự nguyện.

2. Đối tượng được xét, tiếp nhận vào Trung tâm để cai nghiện tự nguyện là người nghiện ma tuý từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên, có đủ sức khoẻ thực hiện quy trình cai nghiện và có hồ sơ xin cai nghiện tự nguyện.

3. Người tự nguyện xin vào cai nghiện tại Trung tâm không bị coi là bị xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Thời hạn cai nghiện theo hình thức tự nguyện

Thời hạn cai nghiện theo hình thức tự nguyện tại Trung tâm từ 6 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng/một đợt cai, thời gian cụ thể đối với từng trường hợp do bản thân hoặc gia đình người đó đăng ký trong đơn xin cai nghiện tự nguyện. Trường hợp người cai nghiện tự nguyện muốn ra khỏi Trung tâm trước thời hạn đã đăng ký phải làm đơn trình bày rõ lý do gửi Giám đốc Trung tâm xem xét giải quyết.

Điều 37. Hồ sơ, thủ tục xét duyệt hồ sơ của người cai nghiện tự nguyện

1. Hồ sơ của người tự nguyện xin vào Trung tâm để cai nghiện gồm:

a) Đơn xin cai nghiện tự nguyện của người nghiện (theo mẫu); cam kết cai nghiện, chữa trị của người tự nguyện hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con (đã thành niên), anh, chị em ruột hoặc người giám hộ của người đó (nếu là người chưa thành niên);

b) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận tạm trú dài hạn có chứng thực hoặc kèm bản chính để đối chiếu;

c) Kết quả xét nghiệm tìm chất ma tuý trong cơ thể dương tính (đối với người nghiện ma tuý).

Hồ sơ của người cai nghiện tự nguyện được gửi cho Giám đốc Trung tâm.

2. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Giám đốc Trung tâm xét duyệt hồ sơ và căn cứ vào khả năng tiếp nhận của Trung tâm để ra quyết định tiếp nhận. Quyết định tiếp nhận được gửi cho người cai nghiện tự nguyện; cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó (nếu là người chưa thành niên) và Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

3. Khi tiếp nhận người cai nghiện tự nguyện, Trung tâm phải kiểm tra, đối chiếu người vào đúng với hồ sơ và quyết định; tổ chức khám sức khoẻ, lập bệnh án và biên bản tiếp nhận.

Điều 38. Quyền lợi, trách nhiệm của người cai nghiện tự nguyện

1. Quyền lợi:

a) Được điều trị hỗ trợ cắt cơn giải độc phục hồi sức khoẻ, được giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách theo quy định của pháp luật;

b) Được hưởng kết quả lao động sản xuất trong thời gian ở Trung tâm (nếu có);

c) Được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành quy trình cai nghiện chất ma tuý.

2. Trách nhiệm:

a) Tuân thủ các quy định về nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện ma tuý của Trung tâm và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chấp nhận các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, chữa bệnh, lao động sản xuất ở Trung tâm như đối với người bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.

c) Đóng góp các khoản chi phí ăn, ở, chữa bệnh, hoạt động văn thể, điện, nước, vệ sinh, chi phí quản lý trong thời gian chữa trị tại Trung tâm theo quy định của pháp luật và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Mục 3

CAI NGHIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN MA TUÝ KHÔNG CÓ NƠI CƯ TRÚ NHẤT ĐỊNH

Điều 39. Đối tượng áp dụng

Người từ đủ 12 (mười hai) tuổi trở lên bị xác định là nghiện ma tuý mà chưa xác định được nơi cư trú nhất định được đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm.

Điều 40. Thời hạn và thẩm quyền quyết định

1. Thời hạn đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm không quá 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tiếp nhận vào Trung tâm;
2. Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm.

Điều 41. Hồ sơ, trình tự thủ tục và chế độ chính sách đối với người nghiện bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm

Hồ sơ, trình tự thủ tục và chế độ chính sách đối và các quy định đối với người nghiện ma tuý bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05/4/2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma tuý, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh, hướng dẫn tại Thông tư số 31/2005/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 25/10/2005 của Bộ Lao động - Thương binh, Xã hội, Bộ Công an về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 43/2005/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 56/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 05/7/2005 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh, Xã hội hướng dẫn chế độ trợ cấp đối với người không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm, quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 42. Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào Trung tâm để cai nghiện

1. Chậm nhất trong thời gian 6 (sáu) ngày làm việc, kể từ ngày đưa đối tượng vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm, cơ quan Công an cấp huyện phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định gửi Thường trực Hội đồng tư vấn cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm. Hội đồng tư vấn được thành lập và hoạt động theo Điều 11 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bao gồm: Bản lý lịch tóm tắt có dán ảnh, tài liệu về các vi phạm của đối tượng, bản xác minh đối tượng không có nơi cư trú nhất định, quyết định đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm và văn bản đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc của Trưởng Công an cấp huyện, bệnh án và tài liệu về các biện pháp giáo dục đã áp dụng.

3. Chậm nhất trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thường trực Hội đồng tư vấn phối hợp với Công an cùng cấp thẩm tra, hoàn thiện hồ

sơ gửi Hội đồng tư vấn xét duyệt và làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc.

4. Chậm nhất là 2 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng có hành vi vi phạm xem xét, quyết định đưa đối tượng vào Trung tâm Cai nghiện theo hình thức bắt buộc.

5. Khi người bị đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm có quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc thì Trung tâm chuyển người đó ra khỏi khu vực lưu trú tạm thời để thực hiện quyết định đưa vào Trung tâm. Thời gian lưu trú tạm thời được tính vào thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc.

Điều 43. Hết thời hạn đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm

1. Trường hợp hết thời hạn lưu trú tạm thời tại Trung tâm mà Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện không quyết định đưa đối tượng vào Trung tâm thì Trưởng Công an cấp huyện nơi đã ra quyết định đưa đối tượng vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng.

2. Trường hợp hết thời hạn lưu trú tạm thời tại Trung tâm mà Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện không quyết định đưa đối tượng vào Trung tâm và Trưởng Công an cấp huyện cũng không có quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng thì Giám đốc Trung tâm báo cáo cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh, Xã hội và Giám đốc Công an tỉnh biết, đồng thời quyết định cho đối tượng trở về cộng đồng.

Chương IV

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TUÝ

Mục 1

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN TẠI NƠI CƯ TRÚ

Điều 44. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú là người nghiện ma tuý từ đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở xuống đối với nam, từ đủ 55 (năm mươi lăm) tuổi trở xuống đối với nữ đã hoàn thành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm không thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao theo quy định tại Khoản 2, Điều 54 Quy chế này.

2. Trong trường hợp chưa triển khai thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú được tạm thời áp dụng đối với cả đối tượng thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao.

3. Công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú được thực hiện ở tất cả các xã, phường, thị trấn có người nghiện ma tuý.

Điều 45. Thời gian và thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú

1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.

2. Thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú với đối tượng không thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao là 12 (mười hai) tháng, với đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tùy theo mức độ nguy cơ tái nghiện. Thời gian chấp hành quyết định được tính từ ngày người sau cai nghiện được xã, phường, thị trấn tiếp nhận, áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.

Điều 46. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc 30 (ba mươi) ngày, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi đã lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Bản sao hồ sơ của đối tượng cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Điều 9, Nghị định 135/2004/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Các tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;

c) Bản nhận xét, đánh giá của Giám đốc Trung tâm về quá trình học tập, rèn luyện, chấp hành nội quy, quy chế của đối tượng;

d) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú của Giám đốc Trung tâm kèm theo danh sách đối tượng đã phân loại có nguy cơ tái nghiện cao.

Điều 47. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra và làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.

2. Nội dung thẩm tra gồm: Lý lịch cá nhân của đối tượng, tính hợp pháp của hồ sơ và việc tuân thủ quy trình lập hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, trong thời hạn chậm nhất là 2 (hai) ngày làm việc, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Giám đốc Trung tâm bổ sung hoặc chỉnh sửa hồ sơ theo quy định. Thời gian thẩm tra hồ sơ được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

3. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú và thông báo danh sách đối tượng thuộc diện quản lý sau cai cho Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú để có kế hoạch tiếp nhận và thực hiện việc quản lý sau cai

nghiện. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng năm ký; họ tên, chức vụ của người ký; họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi cư trú của đối tượng; thời hạn và nơi thi hành quyết định. Quyết định phải gửi cho bản thân, gia đình người nghiện; Trung tâm nơi đang quản lý người nghiện và Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Điều 48. Bàn giao người và hồ sơ của người sau cai nghiện

1. Sau khi quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện có hiệu lực thi hành, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ của người sau cai nghiện cho Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện cư trú.
2. Việc bàn giao được thực hiện tại Trụ sở Uỷ ban nhân dân cấp xã. Khi nhận bàn giao, Uỷ ban nhân dân cấp xã phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để phối hợp quản lý.
3. Hồ sơ bàn giao gồm:

- a) Bản chính Quyết định của Uỷ ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú;
- b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú theo quy định tại Khoản 2, Điều 44 Quy chế này.

Điều 49. Nội dung hoạt động quản lý sau cai tại nơi cư trú

Nội dung hoạt động quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú gồm:

1. Quản lý, hướng dẫn, giúp đỡ, tư vấn cho người sau cai nghiện phòng chống tái nghiện và thay đổi hành vi, nhân cách.
2. Hỗ trợ học nghề, tìm việc làm và tạo điều kiện để người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội, hoà nhập với cộng đồng.
3. Trong quá trình áp dụng biện pháp quản lý sau cai, trường hợp phát hiện tái nghiện thì cập nhật vào sổ theo dõi quản lý sau cai nghiện và bổ sung vào danh sách người nghiện để tiếp tục có kế hoạch cai nghiện.

Điều 50. Trách nhiệm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện; lập sổ theo dõi, đánh giá quá trình quản lý sau cai nghiện; phân công cá nhân, tổ chức hướng dẫn, giúp đỡ người sau cai cách ly môi trường có ma tuý, thực hiện các biện pháp phòng tránh tái nghiện; định kỳ hoặc đột xuất tổ chức kiểm tra, xét nghiệm chất ma tuý đối với người sau cai nghiện.
2. Chỉ đạo Đội hoạt động xã hội tinh nguyện cấp xã, huy động cộng đồng dân cư tham gia quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện; động viên, khuyến khích người sau cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội.
3. Tuyên truyền, quản lý, tổ chức việc chăm sóc, tư vấn, điều trị, hỗ trợ cho người sau cai nghiện nhiễm HIV/AIDS.

4. Hàng tháng tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá, nhận xét đối với toàn bộ số người đang áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú trên địa bàn.

Tổ công tác cai nghiện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú.

Điều 51. Trách nhiệm của bản thân, gia đình người sau cai nghiện

1. Trách nhiệm của người sau cai nghiện:

a) Xây dựng kế hoạch rèn luyện sau cai nghiện theo hướng dẫn của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ. Cam kết thực hiện các quy định về quản lý sau cai và nghiêm túc thực hiện cam kết đó;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, quy ước của thôn, bản, tổ dân phố nơi cư trú;

c) Hàng tháng phải làm bản tự kiểm điểm và tham gia buổi kiểm điểm, đánh giá kết quả phấn đấu rèn luyện của người sau cai do Uỷ ban nhân dân xã tổ chức.

2. Trách nhiệm của gia đình người sau cai nghiện:

a) Quản lý, giám sát và hỗ trợ tạo việc làm cho người sau cai nghiện;

b) Phối hợp chặt chẽ với Uỷ ban nhân dân cấp xã và cá nhân, tổ chức được phân công trong việc quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện;

c) Tạo điều kiện cho người sau cai tham gia các hoạt động cộng đồng do Uỷ ban nhân dân cấp xã, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội nơi người đó cư trú tổ chức.

Điều 52. Quy định về đi lại, thay đổi chỗ ở trong thời gian quản lý sau cai tại nơi cư trú

Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú, ngoài việc phải chấp hành các quy định của pháp luật về cư trú, người sau cai nghiện phải thực hiện các quy định sau:

1. Quy định về việc vắng mặt tại nơi cư trú:

a) Trong thời gian chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú, người sau cai nghiện có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng, mỗi lần vắng mặt không quá ba mươi ngày, tổng số thời gian vắng mặt không được quá một phần ba thời gian quản lý sau cai. Trường hợp vắng mặt đến mười ngày, người sau cai nghiện phải báo cáo và được sự đồng ý của người được phân công giúp đỡ hoặc Uỷ ban nhân dân cấp xã. Trường hợp vắng mặt từ trên mươi ngày đến ba mươi ngày thì người sau cai nghiện phải làm đơn xin phép ghi rõ lý do, thời gian, nơi đến có ý kiến của người được phân công giúp đỡ gửi Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã xét duyệt;

b) Đến nơi lưu trú, người sau cai nghiện có trách nhiệm báo cáo Công an cấp xã nơi lưu trú biết. Khi hết thời hạn lưu trú, phải có xác nhận của Trưởng Công an cấp xã nơi lưu trú về việc chấp hành pháp luật và các quy định của địa phương nơi đến lưu trú;

c) Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời gian chấp hành quyết định nếu người đó không vi phạm pháp luật tại nơi đến lưu trú. Trường hợp vắng mặt

không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền hoặc có vi phạm tại nơi đến lưu trú thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời gian chấp hành quyết định.

2. Quy định về việc thay đổi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Trường hợp vì các lý do chính đáng như thay đổi nơi ở, đi học, có việc làm ổn định hoặc các lý do chính đáng khác, người sau cai nghiện phải làm đơn đề nghị, có ý kiến của người được phân công giúp đỡ gửi Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó đang cư trú làm văn bản đề nghị và gửi toàn bộ hồ sơ của người đó cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó sẽ đến cư trú để tiếp tục quản lý, hỗ trợ sau cai nghiện.

Điều 53. Quy định về giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai tại nơi cư trú

1. Đối tượng được xem xét, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai tại nơi cư trú:

a) Người sau cai nghiện đã chấp hành được hai phần ba thời gian ghi trong quyết định, nếu lập công hoặc tiến bộ rõ rệt thì được xem xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại;

b) Trường hợp người sau cai nghiện bị ốm nặng, có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định để điều trị cho đến khi phục hồi sức khoẻ theo giấy xuất viện của bệnh viện. Thời gian điều trị không được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện tuyến huyện trở lên được miễn chấp hành thời gian còn lại.

c) Phụ nữ có thai được tạm đình chỉ chấp hành quyết định cho đến khi con đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi. Trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó lập công hoặc có tiến bộ rõ rệt thì được xem xét miễn chấp hành thời gian còn lại.

2. Trình tự, thủ tục xem xét giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai tại nơi cư trú thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã lập danh sách các trường hợp đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai tại nơi cư trú và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

b) Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tiến hành thẩm tra, làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời hạn quản lý sau cai nghiện.

3. Khi hết thời gian được tạm đình chỉ, người sau cai nghiện phải tự giác báo cáo cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ và tiếp tục chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú.

Điều 54. Hết thời hạn quản lý sau cai nghiện

Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện, người sau cai nghiện phải làm bản kiểm điểm về quá trình học tập, rèn luyện của bản thân trong thời gian áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện. Trên cơ sở bản kiểm điểm của người sau cai nghiện và xác nhận của cá nhân, tổ chức được phân công giúp đỡ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét, đánh giá vào hồ sơ quản lý sau cai nghiện, cập nhật vào sổ theo dõi quản lý sau cai và cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo mẫu quy định.

Điều 55. Chế độ hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú và người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú

1. Chế độ hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú:

a) Người chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú được tư vấn miễn phí về tâm lý, xã hội liên quan đến vấn đề phòng chống ma tuý, tái hoà nhập cộng đồng, phòng chống tái nghiện;

b) Người sau cai nghiện nếu có nhu cầu học nghề phù hợp được xem xét hỗ trợ một lần kinh phí học sơ cấp nghề;

c) Người sau cai nghiện đang chấp hành quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú có nhiều tiến bộ, cam kết không tái nghiện, chưa có việc làm, thuộc diện hộ nghèo hoặc cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hỗ trợ kinh phí tìm việc làm.

2. Chế độ hỗ trợ người tham gia công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú:

Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công trực tiếp giúp đỡ, tư vấn về tâm lý, xã hội cho người sau cai nghiện được hỗ trợ kinh phí hoạt động.

3. Mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm quản lý sau cai (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH), các quy định khác của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kinh phí hỗ trợ người chấp hành quyết định quản lý sau cai tại nơi cư trú và người trực tiếp tham gia công tác quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú quy định tại điều này được bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội hàng năm của ngân sách xã, phường, thị trấn.

Mục 2

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TUÝ TẠI TRUNG TÂM

Điều 56. Đối tượng áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm

1. Đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm là người nghiện ma tuý từ đủ 60 (sáu mươi) tuổi trở xuống đối với nam, từ đủ 55 (năm mươi lăm) tuổi

trở xuống đối với nữ đã hoàn thành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao.

2. Người bị xác định là có nguy cơ tái nghiện cao khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có thời gian nghiện ma tuý từ 5 (năm) năm trở lên hoặc đã sử dụng ma tuý bằng hình thức tiêm chích từ 2 (hai) năm trở lên (căn cứ hồ sơ đưa vào Trung tâm để xác định);
- b) Đã cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm từ lần thứ ba trở lên;
- c) Trong thời gian 6 (sáu) tháng cuối, đối tượng có hành vi vi phạm nội quy, quy chế, bị thi hành kỷ luật mức cảnh cáo từ lần thứ ba trở lên hoặc mức cách ly tại phòng kỷ luật từ lần thứ hai trở lên;
- d) Trước khi vào Trung tâm, người đó không có nghề nghiệp hoặc có nghề nghiệp nhưng không có việc làm ổn định; không có nơi cư trú nhất định.

3. Không áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm với đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng không đủ sức khoẻ để học tập, lao động sản xuất hoặc bị bệnh AIDS giai đoạn cuối (theo phiếu khám sức khoẻ của Phòng Y tế thuộc Trung tâm).

Điều 57. Thời hạn và thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm

1. Thời hạn quản lý sau cai tại Trung tâm là 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tùy theo mức độ nguy cơ tái nghiện. Thời gian chấp hành quyết định tính từ ngày người sau cai nghiện được bàn giao từ Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội sang Trung tâm quản lý sau cai hoặc từ Khu cai nghiện phục hồi sang Khu quản lý sau cai của Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

2. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện, nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm.

Điều 58. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc 30 (ba mươi) ngày, Giám đốc Trung tâm tổ chức họp Hội đồng khen thưởng, kỷ luật học viên đã được thành lập theo Quy chế mẫu về khen thưởng, kỷ luật tại Quyết định số 60/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh, Xã hội để xét duyệt đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm gửi cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh, Xã hội nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Bản sao hồ sơ của đối tượng cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm theo quy định tại Điều 9 Nghị định 135/2004/NĐ-CP của Chính phủ;
- b) Bản kiểm điểm quá trình học tập, rèn luyện trong thời gian ở Trung tâm của đối tượng có nhận xét, đánh giá của Giám đốc Trung tâm;

- c) Phiếu khám sức khoẻ đối tượng của Phòng Y tế thuộc Trung tâm khẳng định đối tượng đủ sức khoẻ thực hiện quản lý sau cai tại Trung tâm;
- d) Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét duyệt đối tượng có nguy cơ tái nghiện cao của Trung tâm, tài liệu chứng minh đối tượng thuộc diện có nguy cơ tái nghiện cao;
- e) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm của Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 59. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ và làm văn bản trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm. Nội dung thẩm tra theo quy định tại Khoản 2, Điều 45 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh, Xã hội, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm. Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 45 Quy chế này, ngoài ra phải gửi thêm cho Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm được giao nhiệm vụ quản lý sau cai và Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

Điều 60. Thi hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện có hiệu lực thi hành, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ của người phải chấp hành quyết định sang Trung tâm quản lý sau cai hoặc chỉ đạo việc chuyển đổi tượng từ Khu cai nghiện sang Khu quản lý sau cai, phân loại và lưu hồ sơ quản lý riêng đồng thời báo cáo Sở Lao động - Thương binh, Xã hội qua Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

2. Hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm gồm:

a) Bản sao Quyết định của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại Trung tâm theo quy định tại Khoản 2, Điều 56 Quy chế này.

3. Biên bản bàn giao người sau cai nghiện được lập thành ba bản, lưu hồ sơ người cai nghiện một bản và hồ sơ người quản lý người sau cai một bản và một bản gửi Phòng Lao động - TBXH cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm.

Trường hợp Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội đồng thời là Trung tâm Quản lý sau cai thì Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tiến hành phân loại và lưu hồ sơ để quản lý riêng đồng thời báo cáo Sở Lao động - TBXH.

Điều 61. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm

1. Người sau cai nghiện được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau:

a) Đang ốm nặng, có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên được hoãn chấp hành quyết định để chữa trị cho đến khi sức khoẻ ổn định theo giấy xuất viện của bệnh viện hoặc cơ sở chữa bệnh theo quy định của pháp luật;

b) Gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã được hoãn chấp hành quyết định cho đến khi tình trạng khó khăn được giải quyết theo đề nghị của Uỷ ban nhân dân cấp xã;

c) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi được hoãn chấp hành quyết định cho đến khi con đủ 36 (ba mươi sáu) tháng tuổi;

Thời gian hoãn không được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Khi hết thời gian được hoãn, người sau cai nghiện phải tự giác đến Trung tâm để chấp hành quyết định; trường hợp không tự giác thì bị Công an cấp xã nơi cư trú áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Người sau cai nghiện được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau:

a) Người đang mắc bệnh hiểm nghèo, có chứng nhận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên;

b) Người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối.

3. Trình tự, thủ tục xem xét hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai tại Trung tâm thực hiện như sau:

a) Người sau cai nghiện thuộc quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này làm đơn xin hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại gửi Giám đốc Trung tâm;

b) Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Giám đốc Trung tâm xem xét, lập danh sách các trường hợp đủ điều kiện đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm.

c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Giám đốc Trung tâm, Trưởng phòng Lao động - Thương binh, Xã hội cấp huyện phải thẩm tra, làm văn bản trình Uỷ ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh, Xã hội, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành thời gian quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, quyết định phải gửi cho người sau cai nghiện, Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm được giao nhiệm vụ quản lý sau cai và Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội.

Điều 62. Hết thời hạn quản lý sau cai tại Trung tâm

1. Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm thông báo cho người sau cai biết thời gian hoàn thành quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm của người đó trước 30 (ba mươi) ngày.

2. Khi hết thời hạn chấp hành quyết định, Giám đốc Trung tâm cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm cho người đó và gửi bản sao đến Phòng Lao động - Thương binh, Xã hội, Uỷ ban nhân dân cấp xã và gia đình người đó để giúp đỡ khi tái hòa nhập cộng đồng.

Điều 63. Chế độ quản lý, học tập, lao động và khen thưởng, kỷ luật

Chế độ quản lý, học tập, lao động và khen thưởng, kỷ luật đối với người sau cai nghiện tại Trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ, hướng dẫn tại Thông tư số 21/2010/TT-BLĐTBXH ngày 05/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, tư vấn, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện, Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 64. Quyền lợi và trách nhiệm của người sau cai nghiện**1. Quyền lợi:**

a) Khi tham gia lao động sản xuất tại các doanh nghiệp ngoài Trung tâm, người sau cai nghiện được ký kết hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ bảo hiểm theo quy định của Bộ luật Lao động;

b) Được bố trí chỗ ở phù hợp, đảm bảo các tiện nghi sinh hoạt cần thiết; được học tập, đào tạo nghề nghiệp theo nguyện vọng và phù hợp với khả năng, điều kiện của Trung tâm;

c) Được tham gia sinh hoạt các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp theo quy định. Được tiếp thân nhân theo quy định của Trung tâm;

d) Được xét khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong học tập, rèn luyện, tham gia giữ gìn an ninh trật tự bảo đảm an toàn tại Trung tâm và địa phương nơi Trung tâm đóng trú;

đ) Khi hết thời hạn được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm; được cấp chứng chỉ học nghề, bằng cấp học văn hoá theo trình độ đạt được. Được nhận lại các vật dụng hoặc tiền kí gửi, tiết kiệm ở Trung tâm nếu có;

e) Khi tham gia lao động sản xuất tại các doanh nghiệp ngoài Trung tâm, người sau cai nghiện được ký kết hợp đồng lao động, được hưởng các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi và các chế độ bảo hiểm theo quy định của Bộ luật Lao động;

f) Trường hợp khó khăn có thể được trợ cấp tiền ăn đường, tàu xe về nơi cư trú.

2. Trách nhiệm:

- a) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của Trung tâm;
- b) Tích cực tham gia lao động sản xuất, hoàn thành khối lượng, chất lượng, định mức công việc được giao;
- c) Tích cực rèn luyện, học tập, tham gia các phong trào văn hoá, thể thao và các hoạt động xã hội của Trung tâm;
- d) Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động bài trừ tệ nạn ma tuý và các tệ nạn xã hội khác; phản ánh, tố cáo với người có trách nhiệm để ngăn chặn mọi biểu hiện và hành vi tiêu cực tại Trung tâm;
- e) Khi hết thời hạn chấp hành quyết định phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị lao động, bảo hộ lao động đã mượn của Trung tâm; trường hợp làm mất, hư hỏng không có lý do chính đáng phải bồi thường; thanh toán các khoản vay, nợ của cá nhân, tập thể trong thời gian ở Trung tâm;
- g) Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm, người sau cai nghiện phải tự giác đến trình báo với Uỷ ban nhân dân và Công an cấp xã nơi cư trú.

Điều 65. Chế độ trợ cấp, đóng góp

1. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại Trung tâm, người sau cai nghiện được hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền khám chữa bệnh và một số khoản chi phí khác; phần còn thiếu so với quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh thì bản thân hoặc gia đình người đó phải đóng góp. Trường hợp đối tượng không thuộc diện được xét miễn, giảm theo quy định tại Khoản 2 Điều này mà bản thân hoặc gia đình người đó không tự giác đóng góp thì thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 31 Quy chế này.

2. Người sau cai nghiện thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người không có nơi cư trú nhất định, người bị bệnh AIDS giai đoạn cuối được xem xét, miễn giảm các khoản phải đóng góp.

3. Người sau cai nghiện đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai tại Trung tâm trở về địa phương đã có nhiều tiến bộ, cam kết không tái nghiện, chưa có việc làm, thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hỗ trợ kinh phí tìm việc làm.

4. Mức trợ cấp, đóng góp, miễn giảm và trình tự, thủ tục xét miễn, giảm kinh phí quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Chương V
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT
VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 66. Quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và khởi kiện hành chính

1. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm để cai nghiện bắt buộc, người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai hoặc người đại diện hợp pháp của người đó có quyền kiến nghị về việc quản lý, lao động, học tập và chữa bệnh tại Trung tâm với Giám đốc Trung tâm; khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính về quyết định đưa vào Trung tâm, quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma tuý.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo hành vi trái pháp luật trong việc đưa người vào Trung tâm để cai nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, khởi kiện hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 67. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc tổ chức thực hiện biện pháp đưa người nghiện ma tuý vào Trung tâm để cai nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma tuý được xét khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm để cai nghiện hoặc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma tuý, người đang chấp hành quyết định có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc được xét khen thưởng; người vi phạm nội quy, quy chế, không chịu lao động, học tập bị thi hành kỷ luật. Hình thức khen thưởng, kỷ luật và trình tự xét khen thưởng, kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP; Điều 31 Nghị định số 94/2009/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp người đang chấp hành quyết định vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Quyết định khen thưởng, kỷ luật phải bằng văn bản và lưu vào hồ sơ của đối tượng.

3. Người có thẩm quyền trong việc thi hành biện pháp đưa đối tượng vào Trung tâm để cai nghiện hoặc thi hành biện pháp quản lý sau cai nghiện mà dung túng, bao che cho hành vi trái pháp luật; xâm phạm sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người đang chấp hành quyết định hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 68. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh.
2. Ban hành mẫu hồ sơ; hướng dẫn trình tự, thủ tục hành chính trong công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý.
3. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách về công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm:
 - a) Chế độ trợ cấp, đóng góp; chính sách miễn, giảm đóng góp đối với người cai nghiện tại Trung tâm, cai nghiện tại cộng đồng, cai nghiện tại gia đình và người bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú, tại Trung tâm;
 - b) Chế độ hỗ trợ đối với người tham gia công tác cai nghiện ma tuý tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú;
 - c) Cơ chế, chính sách chi đầu tư, cải tạo, mua sắm trang thiết bị; chi hoạt động thường xuyên cho cơ sở điều trị cất cơn nghiện tại các xã, phường, thị trấn;
 - d) Chính sách ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia công tác dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma tuý.
4. Hướng dẫn thực hiện công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
5. Chỉ đạo Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội thực hiện chức năng là cơ quan thường trực về công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý của tỉnh. Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình để báo cáo, đề xuất về chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh.
6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn.

Điều 69. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS và Sở Tài chính trong việc cân đối nguồn ngân sách địa phương và ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma tuý; tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố đảm bảo thực hiện các hoạt động cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý theo quy định tại Quy chế này.

Điều 70. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh, Xã hội tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ, chính sách và các quy định về quản lý tài chính đối với kinh phí cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan tài chính các cấp và các cơ sở cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý trong việc lập dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán kinh phí cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động tài chính thuộc lĩnh vực công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý.

Điều 71. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan Công an các cấp phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh, Xã hội, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể xã hội có liên quan trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị đưa người nghiện ma tuý vào Trung tâm.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc đưa người phải chấp hành quyết định vào Trung tâm để cai nghiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Có phương án phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại các cơ sở cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý.

4. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ tại các cơ sở cai nghiện, quản lý sau cai nghiện trên địa bàn.

Điều 72. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Nghiên cứu, ứng dụng các loại thuốc và phương pháp điều trị cai nghiện, chữa bệnh cho người nghiện ma tuý.

2. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ y tế trực tiếp làm công tác điều trị cai nghiện ma tuý tại các cơ sở cai nghiện ma tuý và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn việc điều trị cai nghiện ma tuý, chữa bệnh xã hội; quy định phác đồ điều trị cai nghiện ma tuý, chữa bệnh xã hội tại các cơ sở cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma tuý trên địa bàn tỉnh.

Điều 73. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội mở các lớp dạy văn hoá, đào tạo nghề nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cho đối tượng đang chấp hành quyết định cai nghiện, quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm. Hỗ trợ đội ngũ giáo viên cho các Trung tâm, phối hợp kiểm tra việc học tập; tổ chức thi, cấp bằng, chứng chỉ cho học viên theo trình độ đạt được khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình Uỷ ban nhân dân tỉnh trong các hoạt động:

1. Bố trí tổ chức bộ máy, biên chế quỹ tiền lương và đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện, quản lý sau cai tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Trung tâm quản lý sau cai.

2. Xây dựng và trình Uỷ ban nhân dân tỉnh Đề án thành lập Trung tâm Quản lý sau cai nghiện theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chưa đủ điều kiện thành lập Trung tâm quản lý sau cai riêng thì lập Đề án giao thêm nhiệm vụ quản lý sau cai đối với Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 75. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp

1. Uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Thường xuyên tổ chức điều tra, thống kê nắm chắc tình hình người nghiện ma tuý trên địa bàn quản lý. Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và chỉ đạo thực hiện kế hoạch cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý hàng năm theo chỉ tiêu được giao;

b) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh, Xã hội, cơ quan Công an cùng cấp và các ngành có liên quan trong việc lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ, quyết định biện pháp cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma tuý;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã lập và thực hiện kế hoạch cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú; tạo điều kiện cho người đã chấp hành xong quyết định cai nghiện, quản lý sau cai nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống.

2. Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Công an cùng cấp phối hợp với các ban, ngành có liên quan trong việc thu thập tài liệu lập danh sách người nghiện ma tuý, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện, phối hợp với cơ quan Công an cấp huyện trong việc tổ chức đưa người phải chấp hành quyết định cai nghiện vào Trung tâm.

b) Thành lập, chỉ đạo Tổ công tác cai nghiện, Tổ quản lý cơ sở cai nghiện triển khai thực hiện công tác cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

c) Giúp đỡ người sau cai nghiện có việc làm, ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng bền vững, chống tái nghiện.

Điều 76. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, có vấn đề khó khăn, vướng mắc yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Lao động - TBXH tổng hợp báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh để xem xét bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vịnh